

Số: 25/QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp
Ngành/nghề: Tiếng Trung Quốc**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG**

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, ngành/nghề: Tiếng Trung Quốc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành/nghề: Tiếng Trung Quốc. Chương trình được áp dụng giảng dạy tại Trường Trung cấp Ngoại thương.

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-FTS ngày 21 tháng 04 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Ngoại thương)

Tên ngành, nghề	: Tiếng Trung Quốc
Mã ngành, nghề	: 5220209
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Người có bằng tốt nghiệp THCS hoặc tương đương
Hình thức tuyển sinh	: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THCS

Thời gian đào tạo: (năm học)

- Thời gian đào tạo: 2 năm (20 tháng);

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Tiếng Trung Quốc trình độ trung cấp có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng nghề nghiệp, nhân cách sư phạm, sức khỏe tốt, có tri thức về văn hóa Trung Quốc, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, có những hiểu biết về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế nước nhà trong quá trình hội nhập.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng được những kiến thức về Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình làm việc và cuộc sống. Biết - hiểu và thực hiện tốt các nhiệm vụ về quốc phòng – an ninh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Biết khai thác các kiến thức tin học cơ bản, một số phần mềm và áp dụng được trong quá trình học tập, trong công việc và cuộc sống.

- Sinh viên tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết với trình độ ngôn ngữ HSK cấp 3 theo thang đánh giá năng lực của Chính phủ Trung Quốc tức tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Có trình độ nghiệp vụ đủ để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, đặc biệt là nắm vững kiến thức, cơ sở lý luận và khả năng thực hành biên phiên dịch trong tình huống giao tiếp.

1.2.2. Kỹ năng:

- Biết dịch thuật các văn bản bằng tiếng Trung Quốc.
- Vận dụng được các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến dịch thuật ngôn ngữ trong chuyên môn.
- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm theo nhóm bằng tiếng Trung Quốc.
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông dụng và dịch thuật, biết vận dụng vốn từ vựng trong quá trình công tác.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trung thực, có trách nhiệm, tư duy phê phán.
- Có tính kiên trì, say mê công việc, nhiệt tình và năng động trong công việc, biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.
- Có ý thức tự nghiên cứu độc lập và nâng cao trình độ.
- Sinh viên hiểu biết về những thói quen, tác phong làm việc của người Trung Quốc để có thái độ làm việc phù hợp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các cơ quan văn hóa, giáo dục, du lịch, công ty liên doanh nước ngoài hay trong các công ty Trung Quốc, hoặc làm công tác nghiên cứu và giảng dạy ở các trường, trung tâm khoa học.
- Sinh viên có thể học liên thông lên đại học tại các trường đại học của Trung Quốc và đại học của Việt Nam có chỉ tiêu đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 17
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 50 (Tín chỉ) - 1410 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết (bao gồm cả số giờ kiểm tra): 351 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1029 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH,	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)	
				Trong đó

MĐ			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh cơ sở)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc	40	1155	225	881	19
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	13	285	105	173	7
MH07	Tiếng Việt thực hành	3	60	30	28	2
MH08	Tiếng Trung Quốc cơ bản	4	75	45	29	1
MH09	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	75	15	58	2
MH10	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	75	15	58	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	24	810	90	680	10
MH11	Tiếng Trung Quốc nghe	3	75	15	58	2
MH12	Tiếng Trung Quốc nói	3	75	15	58	2
MH13	Tiếng Trung Quốc đọc	4	105	30	57	3
MH14	Tiếng Trung Quốc viết	4	105	30	57	3
MĐ15	Thực tập tốt nghiệp	10	450		450	BC
II.3	Tên môn học, mô đun tự chọn	3	60	30	28	2
MH16	Tiếng Trung Quốc biên dịch	3	60	30	28	2
MH17	Tiếng Trung Quốc phiên dịch	3	60	30	28	2
	Tổng cộng	52	1410	319	1029	32

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia làm việc trực tiếp tại bộ phận bếp trong các nhà hàng, khách sạn, cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh ăn uống...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLDTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Sau khi lựa chọn các môn học, môn học tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.


ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	2	3	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	7	4	3	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	7	4	3	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1:

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2:

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3:

NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
- 2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
 - 2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
 - 2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
 - 2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
 - 2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5:

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt
 - 2.1.1. Người công dân tốt
 - 2.1.2. Người lao động tốt
- 2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số

94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	6	4	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2:

HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3:

PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4:

PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5:

PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU				
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7	1	6	
2	Bài 2: Điền kinh	7	1	6	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	15	2	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	15	2	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	15	2	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	15	2	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	15	2	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	15	2	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	15	2	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	15	2	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ;
kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

2. Nội dung chi tiết

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	

4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	45	21	21	3

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thể lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

- 2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế
- 2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
- 2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt
- 2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh
- 2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch
- 2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động
- 2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9:

KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);

- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biền tên;

- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	7	3	4	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	7	2	5	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	8	3	5	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	7	2	5	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	7	2	5	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	8	3	5	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

- 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
- 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	8	3	5	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	8	3	5	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	8	3	5	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	8	3	5	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	8	3	5	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	8	3	5	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	8	3	5	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	8	3	5	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RẼNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với **much** hoặc **many**;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Việt thực hành

Mã môn học: MH07

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 28; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Tiếng Việt thực hành là môn học đại cương về tiếng Việt, được bố trí học trước khi học các môn học tiếng Trung Quốc

- Tính chất: Đây là một môn học cần thiết và quan trọng, cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Nội dung môn học giúp người học ôn tập, hệ thống hóa các kiến thức về chính tả tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng viết câu và đoạn văn; nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp về câu và đoạn văn; rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản.

- Về kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng khái quát về giao tiếp, cấu trúc giao tiếp, các phương tiện giao tiếp và một số kỹ năng giao tiếp cơ bản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: nâng cao tính ứng dụng của môn học và rèn luyện kỹ năng cho người học qua lời nói, văn bản, có thái độ học tập tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài, sáng tạo trong quá trình học tập; có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế cuộc sống, tự tin trong quá trình giao tiếp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Thực hành tiếng Việt qua lời nói	30	15	14	1
2	Bài 2: Thực hành tiếng Việt qua văn bản	30	15	14	1
	Cộng	60	30	28	2

1. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thực hành tiếng Việt qua lời nói

1. Mục tiêu của bài

Sinh viên nắm vững các kiến thức về kỹ năng giao tiếp, bao gồm cả giao tiếp bằng ngôn ngữ lời nói và giao tiếp bằng văn bản để có thể thích nghi - thích ứng trong công việc và trong cuộc sống, như: kỹ năng tạo lập các mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tiếp nhận văn bản, kỹ năng tạo lập văn bản.

2. Nội dung của bài

2.1. Khái quát chung về giao tiếp

2.2. Cấu trúc của giao tiếp

2.3. Các phương tiện giao tiếp

2.4. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản

Bài 2. Thực hành tiếng Việt qua văn bản

1. Mục tiêu của bài

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính tả và ngữ pháp trong các câu, từ, đoạn văn trong các văn bản tiếng Việt

2. Nội dung của bài

2.1 Chính tả tiếng Việt

2.2. Ôn tập một số vấn đề về Câu

2.3. Lỗi trong câu và cách khắc phục

2.4. Kỹ năng viết đoạn văn

2.5. Lỗi trong đoạn văn và cách khắc phục

2.6. Kỹ năng tiếp nhận văn bản

IV Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- về kiến thức: Sinh viên nắm các kiến thức về chính tả tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng viết câu và đoạn văn; nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp về câu và đoạn văn; rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản.

- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng tạo lập các mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng

đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tiếp nhận văn bản, kỹ năng tạo lập văn bản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế cuộc sống, tự tin trong quá trình giao tiếp.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp tiếng Trung Quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu, hình ảnh...

- Đối với người học: Thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, ý tưởng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các chương

4. Tài liệu tham khảo:

1. Diệp Quang Ban (2007), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục.

2. Chu Văn Đức (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

3. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục.

4. Trần Ngọc Thêm (2006), *Hệ thống liên kết văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm - Thuật đắc nhân tâm dụng nhân*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

6. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc cơ bản

Mã môn học: MH08

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là học phần giúp sinh viên làm quen với tiếng Trung. Giới thiệu cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ Hán, một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản, và khoảng 200 từ vựng. Qua các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đó, thực hành các giao tiếp cơ bản, tạo cơ sở tiền đề cho sinh viên học các học phần tiếp theo.
- Tính chất: Giúp sinh viên nghe hiểu và thực hiện giao tiếp ở mức đơn giản nhất.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Khi học xong học phần này, sinh viên có thể đọc và phát âm đúng được tất cả các phiên âm trong tiếng Hán, nắm được cách biến âm, biến điệu, biết viết chữ Hán theo đúng quy tắc. Sinh viên còn có thể nắm được các mẫu câu và thực hành giao tiếp đơn giản.
- Về kỹ năng: Sinh viên nắm được lượng từ vựng cơ bản của HSK cấp 1, nắm được 12 đơn vị ngữ pháp trên tổng số 30 đơn vị ngữ pháp của HSK cấp 1. Giúp sinh viên nghe hiểu và thực hiện giao tiếp ở mức đơn giản nhất.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động. Có thái độ tôn trọng đối với các giá trị về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của người Trung Quốc.

II. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Xin chào 你好	5	3	2	
2	Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm 汉语不难	5	3	2	

3	Bài 3: Ngày mai gặp lại 明天见	4	3	1	
4	Bài 4: Bạn đi đâu đấy 你去哪儿	5	3	2	
5	Bài 5: Đây là thầy giáo Vương 这是王老师	5	3	2	
6	Bài 6: Tôi học tiếng Hán 我学汉语	5	3	2	
7	Bài 7: Bạn ăn gì 你吃什么	5	3	2	
8	Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền 苹果多少钱 1 公斤	5	3	2	
9	Bài 9: Tôi đổi tiền nhân dân tệ 、我换人民币	5	3	2	
10	Bài 10: Ông ấy sống ở đâu 他在哪生活	5	3	2	
11	Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh 我们都是留学生	5	3	2	
12	Bài 12: Bạn học ở đâu 你在哪儿	5	3	2	
13	Bài 13: Đây không phải là thuốc Đông y 这不是中药房	5	3	2	
14	Bài 14: Xe của bạn mới hay cũ 你的车是新的还是旧的	5	3	2	
15	Bài 15: Công ty của ông có bao nhiêu nhân viên 你们公司有多少个职员	5	3	2	
16	Thi hết môn 考试	1			1
	Cộng	75	45	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Xin chào 你好

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

1.3.1 Thanh mẫu

b p m f d t n l g k h

1.3.2 Vận mẫu

a o e i u ü ai ei ao ou

1.3.3 Thanh điệu

Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm

汉语不难

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

1.3.1 Vận mẫu

An en ang eng ong

1.3.2 Ghép vần

Bài 3: Ngày mai gặp lại 明天见

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 学汉语

1.1.2 明天见

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

1.3.1 Thanh mẫu

J q x

1.3.2 Vận mẫu

I ia ie iao iu ian in iang

Ing iong ü üe üan ün

1.3.2 Ghép vần

Bài 4: Bạn đi đâu đấy 你去哪儿

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 你去哪儿

1.1.2 对不起

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

1.3.1 Thanh mẫu

Z C S

1.3.2 Vận mẫu

-i er ua uo uai ui uan

Un uang ueng

1.3.3 Ghép vần

Bài 5: Đây là thầy giáo Vương

这是王老师

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

1.3.1 Thanh mẫu Zh ch sh r

1.3.2 Vận mẫu -i

1.3.3 Ghép vần

Bài 6: Tôi học tiếng Hán 我学汉语

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我学习汉语

1.2.2 这是什么书

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

Từ trọng âm (1)

1.4 Chú thích

Cách nói họ tên người Trung Quốc

Bài 7: Bạn ăn gì 你吃什么

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Chú thích

Biến điệu của số 1

Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền

苹果多少钱 1 公斤

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ âm

Từ trọng âm (2)

1.4 Chú thích

1.4.1 Mẫu câu “.....吧”

1.4.2 Cách dùng số 2 và Lượng từ

Bài 9: Tôi đổi tiền nhân dân tệ

、我换人民币

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế.

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Chú thích

1.3.1 Cách xưng hô đối với nam và nữ

1.3.2 Xin đợi một lát

1.4 Ngữ âm

Cách nói 3 từ liền thanh 3

Bài 10: Ông ấy sống ở đâu 他在哪生活

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Từ mới

1.3 Chú thích

1.3.1 Cách xưng hô dùng kính ngữ

1.3.2 Số 0

1.4 Ngữ pháp

1.4.1 Trật tự từ trong câu

1.4.2 Câu vị ngữ động từ

1.4.3 Cách đọc số

Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh 我们都是留学生

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 Đây là giáo sư Vương

1.1.2 Chúng tôi đều là lưu học sinh

1.1.3 Bạn cũng là người Trung Quốc à?

1.2 Từ mới

1.3 Chú thích

Cách giới thiệu sơ qua về bản thân

1.4 Ngữ pháp

1.4.1 Câu hỏi吗 ?

1.4.2 Trạng ngữ

1.4.3 Phó từ “都”, “也”

Bài 12: Bạn học ở đâu 你在哪儿

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 Bạn học tiếng Hán ở đâu

1.1.2 Thầy của các bạn là ai?

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu hỏi.....吗 ?

1.3.2 Trạng ngữ

1.3.3 Phó từ “都”, “也”

Bài 13: Đây không phải là thuốc Đông y 这不是中药房

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 Cái hòm đen này rất nặng

1.1.2 Đây có phải là thuốc đông y không?

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu vị ngữ tính từ

1.3.2 Câu hỏi phản vấn

1.3.3 Nhóm từ “的”

1.4 Ngữ âm

1.4.1 Trọng âm câu

1.4.2 Ngữ điệu

Bài 14: Xe của bạn mới hay cũ

你的车是新的还是旧的

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 Anh có khỏe không?

1.1.2 Xe đạp của anh mới hay cũ?

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu vị ngữ chủ vị

1.3.2 Câu hỏi lựa chọn还是..... ?

1.3.3 Câu hỏi tình lược呢 ?

1.4 Ngữ âm

1.4.1 Ngữ điệu trong câu hỏi lựa chọn

1.4.2 Ngữ điệu trong câu hỏi tình lược

Bài 15: Công ty của ông có bao nhiêu nhân viên 你们公司有多少个职员

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp

sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế.

1.1 Bài khóa

1.1.1 Nhà bạn có mấy người

1.1.2 Công ty của anh có bao nhiêu nhân viên?

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu chữ “有”

1.3.2 Cách đọc con số

1.3.3 Cách hỏi số lượng

1.3.4 Cụm từ số lượng

1.4 Ngữ âm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Hình thành kỹ năng ghi nhớ tốt hệ thống từ vựng, ngữ pháp cho sinh viên
- Về kỹ năng: Sinh viên nắm được lượng từ vựng cơ bản của HSK cấp 1, nắm được 12 đơn vị ngữ pháp trên tổng số 30 đơn vị ngữ pháp của HSK cấp 1
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, khám phá kiến thức và nâng cao năng lực bản thân.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng hình thức tự luận

I. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu,... kết hợp thêm các hình ảnh, video cho dễ hiểu và thêm phần sinh động.

- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, ý tưởng... làm bài tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

4.1 Giáo trình: Giáo trình Hán ngữ, tập 1 quyển thượng do Dương Kí Châu chủ biên của nhà xuất bản Đại học Quốc gia, năm 2012

4.2 Tài liệu tham khảo

Lý Hiều Kì, 2013, *Boya Chinese Elementary I*, 2nd edn, Nhà xuất bản đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh Trung Quốc

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung tổng hợp 1

Mã môn học: MH09

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đây là môn học được bố trí đầu tiên khi sinh viên bắt đầu tiếp cận với tiếng Trung Quốc, đã học xong Tiếng Trung cơ bản

- Tính chất: Là học phần tiếp theo Tiếng Trung Quốc cơ bản 2, giúp sinh viên làm quen với tiếng Trung ở giai đoạn sau của sơ cấp. Giới thiệu cho người học những đơn vị ngữ pháp như cách dùng các loại bổ ngữ kết quả, bổ ngữ số lượng, bổ ngữ xu hướng, câu bị động, động tác và trạng thái đang tiếp diễn... và khoảng 300 từ vựng mới. Qua các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đó, thực hành các giao tiếp, tạo cơ sở tiền đề cho sinh viên học các học phần tiếp theo.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Giúp sinh viên diễn đạt được những tình huống giao tiếp sơ cấp, nâng cao tốc độ diễn đạt ngôn ngữ của sinh viên so với học phần Tiếng Trung Quốc cơ bản 1,2. Nâng tốc độ diễn đạt những chủ đề đã học lên 150 từ/phút

- Về kỹ năng: Giúp sinh viên luyện được kỹ năng nghe nói cơ bản, hình thành kỹ năng diễn đạt trôi chảy trong các tình huống giao tiếp đơn giản. củng cố hơn kỹ năng nói trước đám đông, với giọng chuẩn, âm vực rõ ràng, ngữ điệu lên xuống, ngắt nghỉ phù hợp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng khả năng tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề của bài học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn 我比你更喜欢音乐	7	1	6	

2	Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm 汉语不太难	7	1	6	
3	Bài 3: Ngày mai gặp lại 明天见	7	1	6	
4	Bài 4: Bạn đi đâu đấy 你去哪儿	7	1	6	
5	Bài 5: Đây là thầy giáo Vương 这是王老师	8	1	6	1
6	Bài 6: Tôi học tiếng Hán 我学汉语	8	2	6	
7	Bài 7: Bạn ăn gì 你吃什么	8	2	6	
8	Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền 苹果 一公斤多少钱	8	2	6	
9	Bài 9: Tôi đổi tiền nhân dân tệ 我换人民币	8	2	6	
10	Bài 10: Ông ấy sống ở đâu 他住哪儿	7	2	4	1
	Cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn

我比你更喜欢音乐

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 北京比上海大吧

1.1.2 我比你更喜欢音乐

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu so sánh

1.3.2 Bổ ngữ số lượng

1.3.3 Câu cảm thán

Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm

汉语不太难

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế.

1.1 Bài khóa

1.1.1 我们那儿的冬天跟北京一样冷

1.1.2 我跟你不一样

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu so sánh (2)

1.3.2 Mẫu câu: 不但.....而且.....

Bài 3: Ngày mai gặp lại 明天见

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 快走吧, 要上课了

1.1.2 我姐姐下个月就要结婚了

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Cách dùng “了” Biểu thị sự thay đổi

1.3.2 Cách diễn tả sự việc sắp xảy ra

1.3.3 Trạng ngữ và trợ từ kết cấu “地”

1.4 Câu vô chủ

Bài 4: Bạn đi đâu đấy 你去哪儿

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我给您捎来了一些东西

1.1.2 快上来吧, 要开车了

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.4 Bỏ ngữ xu hướng

Bài 5: Đây là thầy giáo Vương

这是王老师

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我吃过中药

1.1.2 你以前来过中国吗

1.1.3 我听过钢琴协奏曲《黄河》

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Cách dùng “Động từ + 过”

1.3.2 Bỏ ngữ động lượng

1.4 Cách nói số thứ tự

Bài 6: Tôi học tiếng Hán 我学汉语

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我跟旅游团一起来的

1.1.2 你的汉语是在哪儿学的

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Mẫu câu “是……的”, “一……就……”

1.3.2 Cách dùng tính từ láy

Bài 7: Bạn ăn gì 你吃什么

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我的护照你找到了没有

1.1.2 我是球迷

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu vị ngữ chủ vị (2)

1.3.2 Bỏ ngữ kết quả

Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền 苹果一公斤多少钱

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 我们的照片洗好了

1.1.2 我的眼镜摔坏了

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.3.1 Câu bị động

1.3.2 Lượng từ láy

Bài 9: Tôi đổi tiền nhân dân tệ

我换人民币

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế.

1.1 Bài khóa

钥匙忘拔下来了

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.4 Bỏ ngữ xu hướng kép

Bài 9: Tôi đổi tiền nhân dân tệ

我换人民币

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.1.1 会议厅的门开着呢

1.1.2 墙上贴着红双喜白

1.2 Từ mới

1.3 Ngữ pháp

1.4 Cách dùng “Động từ + 着”

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 20 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy tính giáo viên, mỗi học sinh 01 máy tính có phần mềm tiếng Trung Quốc
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Khả năng nhận biết được bảng chữ cái tiếng Trung Quốc, cách viết Hangeul, cấu tạo của tiếng Trung Quốc.
- Về kỹ năng: Phát âm, đọc câu, viết và đánh máy tiếng Trung Quốc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu,... kết hợp thêm các hình ảnh, video cho dễ hiểu và thêm phần sinh động, tăng cường thực hành, đối thoại
- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, thực hành phát âm luyện tập, làm bài tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài

4. Tài liệu tham khảo

Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD SBS) & B

A. Trung Quốc

Lý Hiểu Kỳ, 2014, *Boya Chinese Quasi-Intermediate I*, xuất bản lần thứ 3, Nhà xuất bản đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh Trung Quốc

B. Việt Nam:

1. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)
2. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBDSBS) & B
3. Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009
4. Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung tổng hợp 2

Mã môn học: MH10

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Nội dung học phần bắt đầu từ bài 11 đến bài 20 của “Giáo trình Hán Ngữ” – Tập 2 quyển hạ. Giáo trình này thông qua những bài hội thoại thông dụng, tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.
- Tính chất: Là học phần tiếp theo Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1

I. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Giai đoạn này học sinh bắt đầu làm quen với các mẫu câu phức tạp và các hiện tượng ngữ pháp khó. Các bài khóa sẽ bổ trợ và cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức văn hóa xã hội, giúp sinh viên vừa học tiếng Hán vừa hiểu được về văn hóa Trung Quốc.
- Về kỹ năng: Các bài khóa sẽ bổ trợ và cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức văn hóa xã hội, giúp sinh viên vừa học tiếng Hán vừa hiểu được về văn hóa Trung Quốc, đồng thời nâng cao khả năng trình bày những quan điểm hay giới thiệu những vấn đề chung bằng tiếng Hán.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiến thức học phần này bổ trợ sinh viên thi đạt chứng chỉ HSK cấp 2

I. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 11. 前边开来一辆空车 Phía trước chạy tới một chiếc xe không	7	1	6	
2	Bài 12. 为什么把“福”字到这贴在门上 Vì sao đem chữ Phúc đến đây dán lên trên cửa	7	1	6	

3	Bài 13. 请把护照和机票给我 Xin đưa	7	1	6	
4	Bài 14. 我的腿被自行车撞伤了 Chân tôi xe đạp đụng bị thương rồi.	7	1	6	
5	Bài 15. 京剧我看得懂，但是听不懂 Kinh kịch tôi xem hiểu nhưng nghe không hiểu	8	1	6	1
6	Bài 16. 山这么高，你爬得上去吗 Núi cao thế này bạn leo lên đc không	8	2	6	
7	Bài 17. 我想起来了 Tôi nhớ ra rồi	8	2	6	
8	Bài 18. 寒假你打算去哪儿旅行 Nghỉ đông bạn dự định đi đâu du lịch	8	2	6	
9	Bài 19. 有困难找民警 Gặp khó khăn tìm cảnh sát	8	2	6	
10	Bài 20. 吉利的数字 Con số may mắn	7	2	4	1
	Cộng	75	15	58	2

2.Nội dung chi tiết:

Bài 11 前边开来一辆空车

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Phân tích câu “在家靠父母，出门靠朋友”

1.4 Luyện tập

Bài 12: 为什么把“福”字到这贴在门上

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.1 Ngữ Pháp

1.2 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Giới thiệu về nét văn hóa dán chữ Phúc ngược trên cửa của người Trung Quốc

1.4 Luyện tập

Bài 13: 请把护照和机票给我\

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Thực tập hội thoại mua vé máy bay, và đi máy bay đi du lịch

1.4 Luyện tập

Bài 14: 我的腿被自行车撞伤了

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Giới thiệu về nét văn hóa dán chữ Phúc ngược trên cửa của người Trung Quốc

1.4 Luyện tập

Bài 15: 京剧我看得懂，但是听不懂

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Giới thiệu về kinh kịch Trung Quốc

1.4 Luyện tập

Bài 16: 山这么高，你爬得上去吗

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Phân tích câu “世上无难事，只怕有心人”

1.4 Luyện tập

Bài 17 : 我想起来了

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.4 Luyện tập

Bài 18: 寒假你打算去哪儿旅行

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Thực hành giới thiệu về dự định du lịch của mình

1.4 Luyện tập

Bài 19: 有困难找民警

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.4 Luyện tập

Bài 20: 吉利的数字

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới

1.1.1 Tập đọc từ mới

1.1.2 Phân tích từ mới

1.2 Ngữ Pháp

1.3 Bài khóa

1.3.1 Đọc và trả lời câu hỏi

1.3.2 Thực hành giới thiệu về con số may mắn của mình

1.4 Luyện tập

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 20 sinh viên

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy tính giáo viên, mỗi học sinh 01 máy tính có phần mềm tiếng Trung Quốc

3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Khả năng nhận biết được bảng chữ cái tiếng Trung Quốc, cách viết Hangeul, cấu tạo của tiếng Trung Quốc.

- Về kỹ năng: Phát âm, đọc câu, viết và đánh máy tiếng Trung Quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và có thể tự nghiên cứu tiếp cận các vấn đề được nêu trong môn học một cách khoa học, tích cực và chủ động.

2. Phương pháp: Kiểm tra hết môn học bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với các phương tiện để tăng tính sinh động như máy chiếu,... kết hợp thêm các hình ảnh, video cho dễ hiểu và thêm phần sinh động, tăng cường thực hành, đối thoại

- Đối với Sinh viên: nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận nhóm, thực hành phát âm luyện tập, làm bài tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài

4. Tài liệu tham khảo

Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013.
(CBD SBS) & B

A. Trung Quốc

Lý Hiểu Kỳ, 2014, *Boya Chinese Quasi-Intermediate I*, xuất bản lần thứ 3, Nhà xuất bản đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh Trung Quốc

B. Việt Nam:

1. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)

2. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD SBS) & B

3. Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009

4. Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc nghe hiểu

Mã môn học: MH11

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học phần này bao gồm các nội dung là các bài nghe đoạn đối thoại hoặc đoạn văn ngắn rồi làm các kiểu bài tập như chọn đáp án đúng, điền vào ô trống, chọn đúng/sai, nối thông tin, trả lời câu hỏi, tóm tắt lại nội dung, ...

- Tính chất: Nội dung của các bài này đa số đều đề cập đến các vấn đề xã hội rất gần gũi với đời sống hiện đại. Ngoài ra, với môn học này sinh viên còn được nghe và xem những bộ phim ngắn gắn với cuộc sống hàng ngày với nhiều giọng địa phương và làm quen với khẩu ngữ của người bản địa.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với kỹ năng nghe hiểu các câu và đoạn đối thoại hoặc đoạn văn ngắn có nội dung liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội.

- Về kỹ năng: Thông qua học phần này giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp học môn nghe hiểu, nắm được kỹ năng làm các bài tập nhằm kiểm tra xem sinh viên đã nghe hiểu được nội dung bài hay chưa đồng thời cũng giúp sinh viên luyện kỹ năng nói có liên quan ở trình độ trung cấp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiến thức của học phần này sẽ hỗ trợ cho sinh viên thi đạt chứng chỉ tương đương HSK cấp 4

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

ST T	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Quan tâm đến giá cả 考虑价格	6	1	5	
2	Bài 2: Dự tiệc 赴宴	6	1	5	
3	Bài 3: Tôi muốn nghỉ phép 我要请假	5	1	4	

4	Bài 4: Hưởng thụ cuộc sống 享受生活	5	1	4	
5	Bài 5: Thuê nhà 租房	5	1	4	
6	Bài 6: Chất lượng 质量	5	1	4	
7	Bài 7: Thế giới quảng cáo 广告项目	5	1	4	
8	Bài 8: Bảo vệ quyền lợi 保护权利	5	1	4	
9	Bài 9: Thay đổi công việc 转换工作岗位	6	1	4	1
10	Bài 10: Bí quyết bán hàng 销售产品秘诀	5	1	4	
11	Bài 11: Cuộc sống khỏe mạnh 美好生活	5	1	4	
12	Bài 12: Thu hút đầu tư 吸引投资	6	2	4	
13	Bài 13: Kinh tế Trung Quốc 中国经济	6	2	4	
14	Bài 14: Doanh nghiệp nước ngoài 外国企业	5		4	1
	Cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quan tâm đến giá cả 考虑价格

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 2: Chiếc váy đẹp giảm giá

2. Đoạn 3: Đồ điện gia dụng giá đặc biệt

3. Bài tập mở rộng

Bài 2: Dự tiệc 赴宴

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 3: Dự tiệc ở nhà Giám đốc

2. Đoạn 4: Những phép tắc khi dự tiệc của người Trung Quốc

3. Bài tập mở rộng

4. Nghe HSK

Bài 3: Tôi muốn nghỉ phép 我要请假

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế1.
Đoạn

1: Tôi không dám nghỉ phép

2. Đoạn 3: Chuyến du lịch 4 ngày đến Tây An
3. Đoạn 4: Những thay đổi trong tuần nghỉ lễ vàng
4. Bài tập mở rộng

Bài 4: Hưởng thụ cuộc sống 享受生活

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: Thú vui xem Tivi
2. Đoạn 3: Cuốn sổ tay của giám đốc
3. Đoạn 4: Người biết càng biết hưởng thụ cuộc sống càng vui vẻ
4. Nghe HSK

Bài 5: Thuê nhà 租房

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 3: Kinh nghiệm thuê nhà
2. Đoạn 4: Nhà của Kim Hee May
3. Bài tập mở rộng

Xem kịch ngắn

Bài 6: Chất lượng 质量

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 2: Trang trí nhà cửa là một môn học
2. Đoạn 4: Bạn có yên tâm về chất lượng sản phẩm không?
3. Bài tập mở rộng
4. Nghe HSK

Bài 7: Thế giới quảng cáo 广告项目

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: Sản phẩm phải đi liền với quảng cáo
2. Đoạn 2: Bạn có tin vào quảng cáo không?
3. Đoạn 4: Quảng cáo không lời

4. Bài tập mở rộng

Bài 8: Bảo vệ quyền lợi 保护权利

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 2: Tôi muốn trả lại hàng
2. Đoạn 3: Cuối cùng thì ai nên bồi thường ai?
3. Đoạn 4: Quyền lợi của người tiêu dùng
4. Bài tập mở rộng

Bài 9: Thay đổi công việc 转换工作岗位

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: Tôi đã sa thải ông chủ
2. Đoạn 2: Tôi đến để ứng tuyển
3. Đoạn 3: Kiểm bao nhiêu tiền không quan trọng
4. Bài tập mở rộng

Bài 10: Bí quyết bán hàng 销售产品秘诀

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: Nhất định phải tin vào bản thân mình
2. Đoạn 2: Bạn có bao dung với khách hàng không
3. Đoạn 3: Linh cảm của người bán hàng tạp hóa
4. Nghe HSK

Bài 11: Cuộc sống khỏe mạnh 美好生活

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: Cai thuốc, đúng là một công đôi việc
2. Đoạn 3: Sức khỏe và áp lực
3. Bài tập mở rộng
4. Xem kịch ngắn

Bài 12: Thu hút đầu tư 吸引投资

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp

sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 2: Đầu tư cổ phiếu
2. Đoạn 3: Lầy nhà nuôi nhà
3. Đoạn 4: Diễn đàn đầu tư mạo hiểm
4. Bài tập mở rộng

Bài 13: Kinh tế Trung Quốc 中国经济

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 2: Tôi rất lạc quan vào kinh tế Trung Quốc
2. Đoạn 3: Triển lãm sản phẩm Trung Quốc 1
3. Đoạn 4: Triển lãm sản phẩm Trung Quốc 2
4. Nghe HSK

Bài 14: Doanh nghiệp nước ngoài 外国企业

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Đoạn 1: MADE IN CHINA
2. Đoạn 2: Doanh nghiệp nước ngoài và nhân lực Trung Quốc
3. Đoạn 4: Tiêu chí đánh giá một đất nước hiện đại hóa là gì?
4. Bài tập mở rộng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với kỹ năng nghe hiểu các câu và đoạn đối thoại hoặc đoạn văn ngắn có nội dung liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội.

- Kỹ năng: Nắm được kỹ năng làm các bài tập nhằm kiểm tra xem sinh viên đã nghe hiểu được nội dung bài hay chưa đồng thời cũng giúp sinh viên luyện kỹ năng nói có liên quan ở trình độ trung cấp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút(cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

- Số lần kiểm tra: 2 lần.

- Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.

- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

3.1 Giáo trình: 商务汉语通 (中级听力) , NXB ĐH Bắc Kinh

3.2 Tài liệu tham khảo:

+ HSK

+ Giáo trình Nghe tin tức (新闻听力教程) NXB ĐH Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh (Giáo trình dùng cho năm thứ nhất)

1. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)

2. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD & BSBS)

3. Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009

4. Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007
5. Trần Thị Thanh Liêm – Giáo trình nghe hiểu(3 tập). NXBVHTT. 2009
6. Trần Thị Thanh Liêm – Hán ngữ tốc thành. NXB VHTT. 2013
7. Trần Thị Thanh Liêm. Tiếng Hoa Thương mại Du lịch . NXB VHTT. 2012.
8. Trần Thị Thanh Liêm (Đồng dịch giả)GT luyện nghe Hán ngữ(3 tập). NXB Đại học Quốc gia. 2010

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc Nói

Mã môn học: MH12

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học phần này có mặt bằng kiến thức đồng bộ với học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp IV. Toàn bộ học phần gồm 09 bài, được lấy từ giáo trình 汉语商务通中级口语教程/董瑾主编 (北京大学出版社)

- Tính chất: Mỗi bài luyện đều có hệ thống từ mới, bài khoá và bài tập tình huống luyện nói tương ứng. Bên cạnh các bài khoá mẫu trong giáo trình, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm thông qua các bài khoá phụ hoặc được luyện nói qua việc thảo luận các chủ điểm do giáo viên đưa ra.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Mục tiêu của học phần này là thông qua các bài tập luyện nói từ đơn giản đến phức tạp cung cấp cho sinh viên các từ ngữ, văn phong dùng trong khẩu ngữ, từ đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biểu đạt, trao đổi hội thoại và tự thảo luận trong các tình huống giao tiếp cụ thể khác nhau.

- Về kỹ năng: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích kinh tế xã hội và chuyên môn khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kiến thức học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên thi đạt chứng chỉ HSK cấp 4.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 三个臭皮匠顶个诸葛亮 Ba thợ da độ một Gia Cát Lượng	7	1	6	
2	Bài 2: 要面子还是要帮助 Muốn thể	7	1	6	

	diện hay muốn giúp đỡ				
3	Bài 4 : 在中国工作 Làm việc tại TQ	7	1	6	
4	Bài 6: 中国的中产阶级 Giai cấp tư sản hạng vừa TQ	8	2	6	
5	Bài 7: 促销 Xúc tiến tiêu thụ	9	2	6	1
6	Bài 9: 全球环 Môi trường toàn cầu	9	2	7	
7	Bài 10: 市场调查 Khảo sát thị trường	9	2	7	
8	Bài 11 : 消费结构 Kế hoạch tiêu dùng	9	2	7	
9	Bài 12 : 租房与买房 Thuê & mua nhà	10	2	7	1
	Cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 三个臭皮匠顶个诸葛亮

Ba thợ da độ một Gia Cát Lượng

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Giới thiệu chung về môn nói

1.1.1 Khái quát chung về môn nói

1.1.2 Mục đích và phương pháp

1.2.3 Giới thiệu giáo trình và tài liệu tham khảo

1.2 三个臭皮匠顶个诸葛亮 1.2.1. Từ mới + cấu trúc

1.2.1 Bài khóa 1+2

1.2.2 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.2.3 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

1.2.4 Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế và luyện tập nói theo nhóm nhỏ

Bài 2: 要面子还是要帮助 Muốn thể diện hay muốn giúp đỡ

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 4 : 在中国工作 Làm việc tại TQ

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 6: 中国的中产阶级 Giai cấp tư sản hạ tầng vừa TQ

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 7: 促销 Xúc tiến tiêu thụ

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 9: 全球环 Môi trường toàn cầu

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 10: 市场调查 Khảo sát thị trường

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 11 : 消费结构 Kế hoạch tiêu dùng

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

Bài 12 : 租房与买房 Thuê & mua nhà

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Từ mới + cấu trúc

1.2 Bài khóa

1.3 Trả lời câu hỏi theo nội dung

1.4 Tóm ý theo từng đoạn và theo nội dung toàn bài

Mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế, chia nhóm nhỏ thảo luận rồi tranh luận từng

nhóm để bảo vệ quan điểm của nhóm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích kinh tế xã hội và chuyên môn khác.

- Kỹ năng: Giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề nhằm mang lại hiệu quả cao nhất về các chủ đề và bài tập triển khai trong môn học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút(cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

- Số lần kiểm tra: 2 lần.

- Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.

- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

4. Những trọng tâm cần chú ý:

5. Tài liệu tham khảo:

5.1 Giáo trình 汉语商务通中级口语教程 /董瑾主编 (北京大学出版社) , 2005.9

5.2 Tài liệu tham khảo: A. Trung Quốc: 中级汉语口语, 北京大学; 第 2 版 (2007 年 5 月 1 日)

1. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)

2. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD & BSBS)

3. Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009

4. Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007

5. Trần Thị Thanh Liêm – Giao tiếp Hoa Việt – Việt Hoa. NXBVHTT. 2009

6. Trần Thị Thanh Liêm – Hán ngữ tốc thành. NXB VHTT. 2013

7. Trần Thị Thanh Liêm. Tiếng Hoa Thương mại Du lịch . NXB VHTT. 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc đọc

Mã môn học: MH13

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học phần này gồm 20 bài với các chủ điểm khác nhau, như: môi trường, thể thao, gia đình, văn hoá, du lịch..., các bài khoá này được lựa chọn từ 03 giáo trình khác nhau (xem ở phần tài liệu học tập). Mỗi bài sẽ có một bài khoá chính cùng các bài tập đi kèm và một bài đọc thêm. Ở các bài ban đầu, để sinh viên làm quen với môn Đọc hiểu nên bài khoá tương đối ngắn, độ khó và dài của bài khoá sẽ tăng lên trong các bài tiếp theo.

- Tính chất: Đối với học phần này, yêu cầu tất cả các bài khoá đều chỉ được đọc trên lớp, trước khi lên lớp và khi đọc bài khoá sinh viên không được sử dụng từ điển, như vậy mới nâng cao được kỹ năng đọc của sinh viên.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Mở rộng và bổ sung vốn từ vựng. Bồi dưỡng cho sinh viên khả năng đọc nhanh, đọc lướt và vượt qua chướng ngại từ mới để nắm bắt được những thông tin cần thiết.

- Về kỹ năng: Bồi dưỡng năng lực suy đoán dựa vào ngữ cảm, lời văn hoặc ý tứ ngoài lời văn để từ đó có thể hiểu được tình cảm, thái độ và quan điểm của người viết.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện khả năng đọc hiểu cho sinh viên, từ đó củng cố và phát triển kỹ năng đọc hiểu cơ bản nhằm tạo tiền đề hỗ trợ sinh viên thi đạt chứng chỉ HSK cấp 4.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1 Khái quát chung về môn Đọc hiểu	6	2	4	

2	Bài 2: 我的选择在中国 Lua chọn của tôi ở Trung Quốc	6	2	4	
3	Bài 3: 请珍爱我们的生存环境 Hãy yêu quý môi trường sinh tồn của chúng ta	6	2	4	
4	Bài 4: 心法耐寒健身 自行车万里行 Tâm pháp chịu rét khỏe, xe đạp vạn dặm hành	6	2	4	
5	Bài 5: 四十不惑 Tuổi 40 không mê muội	6	2	4	1
6	Bài 6: 刀下留鲨 Giữ cá mập dưới dao (Đao hạ lưu sa)	6	2	4	
7	Bài 7: 我想有一袋新鲜的空气 Tôi muốn có một bầu không khí trong lành	6	2	4	
8	Bài 8: 标准化生活 Cuộc sông tiêu chuẩn	6	2	4	
9	Bài 9: 钞票征婚 tiền giấy chọn bạn đời	6	2	4	
10	Bài 10: Kiểm tra giữa kỳ và bài đọc 10 名牌没有定义 ? Thương hiệu không có định nghĩa?	6	2	4	1
11	Bài 11: 形形色色的经营之道 Con đường kinh doanh muôn hình vạn trạng	6	2	4	
12	Bài 12: 球迷 Fan hâm mộ bóng	5	2	3	
13	Bài 13: 关于零食 Về ăn vặt	5	2	3	
14	Bài 14: 外出民工开始回来 Dân công đi ra ngoài làm việc bắt đầu trở về	5	2	3	
15	Bài 15 中国人 Người TQ	7	2	4	1
	Cộng	105	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát chung về môn Đọc hiểu

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Khái quát chung về môn Đọc hiểu

1.1.1 Mục đích

1.1.2 Phân loại

1.1.3 Phương pháp

1.2 Giới thiệu về chương trình học

1.2.1 Giới thiệu về giáo trình và tài liệu tham khảo

1.2.2 Giới thiệu về tiến độ môn học

1.3 Bài đọc “家属电话哪个更亲?”

Bài 2: 我的选择在中国 Lua chọn của tôi ở Trung Quốc

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Bài khóa

1.2 Bài tập

1.3 Từ mới

1.4 Bài đọc thêm 用量杯吃饭的德国人

Bài 3: 请珍爱我们的生存环境 Hãy yêu quý môi trường sinh tồn của chúng ta

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

3.1 Bài tập

3.2 Từ mới

3.3 Bài đọc thêm 家庭出游 温馨千万家

Bài 4: 心法耐寒健身 自行车万里行

Tâm pháp chịu rét khỏe, xe đạp vạn dặm hành

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

4.1 Bài khóa

4.2 Bài tập

4.3 Từ mới

4.4 Bài đọc thêm 少年足球俱乐部

Bài 5: 四十不惑 Tuổi 40 không mê muội

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

5.1. Bài khóa

5.2 Bài tập

5.3 Từ mới

5.4 Bài đọc thêm 年龄大了，机会少了

Bài 6: 刀下留鲨 Giữ cá mập dưới dao (Đao hạ lưu sa)

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

Bài khóa

Bài tập

Từ mới

Bài 7: 我想有一袋新鲜的空气 Tôi muốn có một bầu không khí trong lành

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

7.1. Bài khóa

7.2.

Bài tập

7.3.

Từ mới

7.4. Bài đọc thêm 未来家庭

Bài 8: 标准化生活 Cuộc sông tiêu chuẩn

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

8.1 Bài khóa

8.2 Bài tập

8.3 Từ mới

8.4 Bài đọc thêm 新世纪 留住暖色的回忆

Bài 9: 钞票征婚 tiền giấy chọn bạn đời

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

9.1 Bài khóa

9.2 Bài tập

9.3 Từ mới

9.4 Bài đọc thêm

联合国：同步口译，同笑话

Bài 10: Kiểm tra giữa kỳ và bài đọc 10 名牌没有定义？Thương hiệu không có định nghĩa?

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

10.1 Bài khóa

10.2 Bài tập

10.3 Từ mới

10.4 Bài đọc thêm

Bài 11: 形形色色的经营之道 Con đường kinh doanh muôn hình vạn trạng

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

11.1. Bài khóa

11.2. Bài tập

11.3. Từ mới

11.4. Bài đọc thêm 广告可信吗？

Bài 12: 球迷 Fan hâm mộ bóng

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

12.1. Bài khóa

12.2. Bài tập

12.3. Từ mới

12.4. Bài đọc thêm 好大一棵树

Bài 13: 关于零食 Về ăn vặt

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

13.1. Bài khóa

13.2. Bài tập

13.3. Từ mới

怎样运动有助于健康

Bài 14: 外出民工开始回来

Dân công đi ra ngoài làm việc bắt đầu trở về

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

14.1 Bài khóa

14.2 Bài tập

14.3 Từ mới

14.4 Bài đọc thêm 小能手张远华

Bài 15 中国人 Người TQ

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

15.1 Từ mới

15.2 Bài khóa

15.3 Bài tập

15.4 Từ mới

15.5 Bài đọc thêm 北京人

I. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

II. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức: Thông qua các chủ điểm và bài thực hành, sinh viên được luyện tập và phát triển kỹ năng đọc hiểu và sử dụng thông tin về các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội bằng tiếng Trung Quốc.

Kỹ năng: Sử dụng các cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Trung Quốc trong những tình huống cụ thể được lồng ghép trong các chủ đề của bài học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút(cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

- Số lần kiểm tra: 1 lần.

- Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

III. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.

- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

2. Những trọng tâm cần chú ý:

3. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình

沈兰主编《汉语系列阅读》第一册，北京语言文化大学出版社，1998 年

-沈兰主编《汉语系列阅读》第二册，北京语言文化大学出版社，1998 年

朱子仪编者《汉语阅读速成》中级篇，北京语言文化大学出版社，2002 年

4.2 Tài liệu tham khảo

-王慧玲 黄锦绣章 《商务汉语- 金桥》 一中级阅读 （上）， 北京大学出版社

2004 年

Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)

Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD & BSBS)

Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009

Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007

4. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc viết

Mã môn học: MH14

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học phần này có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp và được giảng dạy sau khi sinh viên kết thúc học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1-4.
- Tính chất: Học phần này chú trọng bồi dưỡng đào tạo cho sinh viên năng lực vận dụng ngôn ngữ viết, trong đó đặc biệt chú trọng bồi dưỡng kỹ năng viết văn ứng dụng.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Giúp sinh viên nhận biết sự khác nhau giữa ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói. Giúp sinh viên nắm được một số từ ngữ thường dùng trong các thể loại văn bản. Giúp sinh viên nắm được đặc điểm hình thức và nội dung của một số văn bản thường dùng trong giao tiếp.
- Về kỹ năng: Giúp sinh viên triển khai viết các đoạn văn, bài văn từ đơn giản đến phức tạp. Giúp sinh viên biểu đạt viết trôi chảy, đảm bảo tính chặt chẽ giữa các ý và các đoạn trong bài văn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ viết cho sinh viên, từ đó củng cố và phát triển kỹ năng viết, hỗ trợ sinh viên thi đạt chứng chỉ HSK cấp 4.

II. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 课程简介 - 汉语标点符号 Dấu chấm câu,...	7	2	5	
2	Bài 2: 写故事 Viết truyện	7	2	5	
3	Bài 3: 扩写故事 Mở rộng viết truyện	7	2	5	
4	Bài 4: 叙事文 Văn trần thuật	7	2	5	

5	Bài 5: 写人作文 Văn tả người	8	2	5	1
6	Bài 6: 自我介绍 Tự giới thiệu	7	2	5	
7	Bài 7: 个人简历 Lý lịch cá nhân	7	2	5	
8	Bài 8: 一般书信 Thư tín thông thường	7	2	5	
9	Bài 9: 专用书信- 自荐信 Thư tín chuyên dụng- Thư tiến cử	7	2	5	
10	Bài 10: 介绍信、推荐信 Thư giới thiệu – Thư tiến cử	8	2	5	1
11	Bài 11: 申请信 Đơn xin...	7	2	5	
12	Bài 12: 感谢信 Thư cảm ơn	7	2	5	
13	Bài 13: 祝贺信 Thư chúc mừng	7	2	5	
14	Bài 14: 请柬、邀请信、邀约信 Giấy mời, thư mời, thư hẹn	6	2	4	
15	Bài 15: 通知、请假条 Thông báo, giấy xi phép	6	2	3	1
	Cộng	105	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: 课程简介 - 汉语标点符号 **Dấu chấm câu,...**

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1. Giới thiệu môn học

1.1.1. Ý nghĩa môn học

1.1.2. Nội dung môn học

1.1.3. Phương pháp học

1.1.4. Kiểm tra đánh giá

1.2. Giới thiệu các loại dấu câu

1.2.1. Liệt kê và hướng dẫn sử dụng 11 loại dấu câu thường được sử dụng trong văn viết tiếng Hán

1.2.2. Đối chiếu so sánh các loại dấu câu và cách dùng của chúng trong tiếng Hán với tiếng Việt

1.3. Đọc bài văn mẫu và phân tích bài văn mẫu

1.3.1. Đọc bài văn mẫu

1.3.2. Phân tích và đưa ra nhận xét

1.4. Luyện tập

1.4. Sửa lỗi sai về dấu câu trong văn bản 1.4.2.Sử dụng dấu câu cho sẵn viết đoạn văn.

Bài 2: 写故事 Viết truyện

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế 2.1.Kể truyện

2.1.1.Thế nào là kể truyện?

2.1.2.Phân loại kể truyện

2.1.3.Giới thiệu hai kiểu câu trong văn kể truyện (câu trực tiếp và câu gián tiếp)

2.1.4.Đọc, phân tích và đưa ra nhận xét bài văn mẫu

2.2.Luyện tập

Viết đoạn văn sử dụng câu trần thuật trực tiếp và gián tiếp 2.2.2.

Xem tranh cho sẵn viết thành 1 câu chuyện hoàn chỉnh

Bài 3: 扩写故事 Mở rộng viết truyện

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

3.1.Kể truyện mở rộng

3.1.1. Thế nào là kể truyện mở rộng?

3.1.2.Hướng dẫn viết mở rộng

3.1.3.Những điều cần chú ý khi viết mở rộng câu chuyện 3.1.4.Đọc và phân tích bài văn mẫu

3.2. Luyện tập

3.2.1. Sắp xếp các câu cho sẵn thành đoạn văn có sử dụng từ liên kết

3.2.2.Viết mở rộng hội thoại

3.2.3.Viết mở rộng các câu cho sẵn thành một câu chuyện hoàn chỉnh

Bài 4: 叙事文 Văn trần thuật

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế 4.1.Văn tự sự

4.1.1.Hướng dẫn viết văn tự sự

4.1.2. Một vài lưu ý khi viết văn tự sự

4.1.3. Đọc và phân tích bài văn mẫu

4.2. Luyện tập

4.2.1 Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống

4.2.2. Sắp xếp những câu cho sẵn thành đoạn văn

4.2.3. Sửa lỗi câu sai

4.2.4. Chuyển đoạn hội thoại thành đoạn văn kể chuyện

Bài 5: 写人作文 Văn tả người

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

5.1. Viết văn tả người

5.1.1. Miêu tả ngoại hình, tính cách, tâm lý

5.1.2. Một vài lưu ý khi viết văn tả người

5.1.3. Đọc và phân tích bài văn mẫu

5.2. Luyện tập

5.2.1. Chọn từ thích hợp điền vào ô trống

5.2.2. Sắp xếp câu cho sẵn thành đoạn văn hoàn chỉnh

5.2.3. Sửa lỗi trong đoạn văn

5.2.4. Phân tích hội thoại, phán đoán quan hệ, tình cảm, tính cách nhân vật

Bài 6: 自我介绍 Tự giới thiệu

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

6.1. Đọc và phân tích một số bài văn mẫu

6.1.1. Quan sát cách thức triển khai của từng bài mẫu 6.1.2. Bố cục của mỗi bài mẫu

6.1.3. Nội dung thường đề cập trong các bài mẫu 6.1.4. So sánh ưu nhược điểm của các bài mẫu

6.1.5. Hướng dẫn viết bài tự giới thiệu mở rộng và nâng cao

6.2. Luyện tập

6.2.1. Sửa lỗi trong đoạn văn

6.2.2. Sắp xếp lại các câu trong đoạn văn sao cho hợp lý

6.2.3. Hoàn thành đoạn văn theo gợi ý cho sẵn

6.2.4. Viết một đoạn văn tự giới thiệu về mình

Bài 7: 个人简历 Lý lịch cá nhân

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

7.1. Sơ yếu lý lịch

7.1.1. Định nghĩa

7.1.2. Đặc điểm hình thức và nội dung của sơ yếu lý lịch

7.1.3. Những điều cần chú ý khi viết sơ yếu lý lịch

7.1.4. Đọc và phân tích bài mẫu

7.2. Luyện tập

7.2.1. Dựa vào thông tin cho sẵn viết một sơ yếu lý lịch hoàn chỉnh

7.2.2. Điền thông tin vào một bản sơ yếu lý lịch in sẵn

7.2.3. Tự viết một sơ yếu lý lịch về bản thân

7.2.4. Phân tích lỗi viết sơ yếu lý lịch

Bài 8: 一般书信 Thư tín thông thường

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

8.1. Thư tín thông thường

8.1.1. Thế nào là thư tín

8.1.2. Phân loại thư tín

8.1.3. Thế nào là thư tín thông thường

8.1.4. Bố cục của thư tín thông thường

8.1.5. Đọc và phân tích bài văn mẫu

8.2. Luyện tập

8.2.1. Hoàn thành câu theo gợi ý

8.2.2. Sửa lỗi sai trong thư tín

8.2.3. Viết thư theo gợi ý

Bài 9: 专用书信- 自荐信 Thư tín chuyên dụng- Thư tiến cử

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

9.1. Thư chuyên dùng

9.1.1. Thế nào là thư chuyên dùng

9.1.2. Đặc điểm của thư chuyên dùng

9.1.3. Một số loại thư chuyên dùng

9.2. Thư tự giới thiệu

9.2.1. Định nghĩa

9.2.2. Đặc điểm hình thức và nội dung của thư tự giới thiệu

9.2.3. Một số điều cần chú ý khi viết thư tự giới thiệu

9.2.4. Đọc và phân tích bài mẫu

9.3 Luyện tập

9.3.1 Phân tích lỗi thư tự giới thiệu

9.3.2 Viết thư tự giới thiệu

Bài 10: 介绍信、推荐信 Thư giới thiệu – Thư tiến cử

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

10.1. Thư giới thiệu, thư tiến cử

10.1.1 Định nghĩa

10.2.2 Đặc điểm hình thức và nội dung của thư giới thiệu và thư tiến cử

10.1.3. Đọc và phân tích bài mẫu

10.1.4. Hướng dẫn viết thư giới thiệu và thư tiến cử

10.2. Luyện tập

10.2.1 Viết thông tin vào một thư giới thiệu đã in sẵn

10.2.2. Sửa lỗi thư giới thiệu

10.2.3. Viết thư giới thiệu

Bài 11: 申请信 Đơn xin...

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó

giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

11.1.Thư xin

11.1.1. Định nghĩa

11.1.2. Đặc điểm hình thức và nội dung của thư xin

11.1.3. Đọc và phân tích bài mẫu

11.1.4.Hướng dẫn viết thư xin

11.2.Luyện tập

11.2.1.Viết thư xin theo gợi ý

10.2.2.Sửa lỗi thư xin

Bài 12: 感谢信 Thư cảm ơn

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

12.1 Thư cảm ơn

12.2 Định nghĩa

Đặc điểm hình thức và nội dung của thư cảm ơn

12.3 Đọc và phân tích bài mẫu

12.4 Hướng dẫn viết thư cảm ơn

12.5 Luyện tập

Viết thư cảm ơn theo gợi ý

12. 6 Sửa lỗi thư cảm ơn

Bài 13: 祝贺信 Thư chúc mừng

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

13.1.Thư chúc mừng

13.1 Định nghĩa

13.2 Đặc điểm hình thức và nội dung của thư chúc mừng

13.3 Đọc và phân tích bài mẫu

Hướng dẫn viết thư chúc mừng

13.4 Luyện tập

Viết thư chúc mừng theo gợi ý

13.5 Sửa lỗi thư chúc mừng

Bài 14: 请柬、邀请信、邀约信 Giấy mời, thư mời, thư hẹn

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

14.1. Thư mời

14.1 Định nghĩa

14.2 Đặc điểm hình thức và nội dung của 3 loại văn bản trên

14.3 So sánh cách dùng của ba loại văn bản

14.4 Đọc và phân tích một số bài văn mẫu

14.5 Luyện tập

Viết thư mời theo gợi ý

14.6 Sửa lỗi viết thư mời

Bài 15: 通知、请假条 Thông báo, giấy xị phép

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

15.1. Thông báo

15.1 Định nghĩa

15.2 Đặc điểm hình thức và nội dung của thông báo

Đọc và phân tích bài mẫu

15.3 Hướng dẫn viết thông báo

15.4 Luyện tập

Dùng từ thích hợp hoàn thành câu

15.5 Viết thông báo theo dạng trần thuật hoặc liệt kê

Đơn xin nghỉ

Định nghĩa

Đặc điểm hình thức và nội dung của đơn xin nghỉ

Đọc và phân tích bài mẫu

15.6 Luyện tập

Phân tích lỗi viết đơn xin nghỉ

Viết đơn xin nghỉ theo tình huống cho sẵn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

III. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được đặc điểm hình thức và nội dung của một số văn bản thường dùng trong giao tiếp.
- Kỹ năng: Giúp sinh viên tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa văn phong viết của văn bản Trung Quốc và Việt Nam nhằm hạn chế các lỗi sai khi viết thư hay soạn thảo các đơn từ thông thường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công

Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút (cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)

Số lần kiểm tra: 1 lần.

Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

IV. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

3. Những trọng tâm cần chú ý: tất cả các bài

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Giáo trình

- 赵剑华、祝秉耀编著，〈汉语写作教程〉，北京语言大学出版社。（Triệu Kiếm Hoa, Chúc Bình Diệu, *Giáo trình viết tiếng Hán*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh）

- 杨东升 主编，〈BCT 商务汉语写作教程〉，北京语言大学出版社。（Dương Đông Thăng chủ biên, *BCT giáo trình viết tiếng Hán thương mại*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh）.

4.2. Tài liệu

- 乔惠芳、赵剑华编著，〈汉语写作指导〉，北京大学出版社。（Kiều Huệ Phương, Triệu Kiếm Hoa, *Hướng dẫn viết tiếng Hán*, NXB Đại học Bắc Kinh）.

- 哈嘉莹编著，〈经贸汉语阅读与写作〉，外语教学与研究出版社。（Cáp Gia Doanh,

Đọc Viết tiếng Hán kinh tế thương mại, NXB Dạy học và nghiên cứu ngoại ngữ）.

- 赵洪琴、吕文珍编，〈外贸写作〉，北京语言学院出版社。（Triệu Hồng Cẩm, Lã

Văn Trân, *Viết thương mại*, NXB Đại học Bắc Kinh)

B. Việt Nam:

1. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)

2. Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình Hán ngữ (6 quyển). NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD & BSBS)

3. Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009

4. Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007

5. Trần Thị Thanh Liêm – Hoàng Trà. Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Hoa Việt – Việt Hoa. NXBVHTT. 2007

6. Trần Thị Thanh Liêm – Trương Ngọc Quỳnh. Tìm hiểu Văn hóa Phương Đông. NXB VHTT. 2013

7. Trần Thị Thanh Liêm. Kinh điển văn hóa 5000 năm Trung Hoa (4 tập). NXB VHTT. 2002. Chủ biên dịch (CBD)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: Thực tập tốt nghiệp

Mã mô đun: MD15

Thời gian thực hiện mô đun: 450 giờ (Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 450 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Thực hiện sau khi hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo
- Tính chất: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: Thực tập tốt nghiệp là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo. Chương trình thực tập này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.
- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp cũng như học hỏi trau dồi các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai cho sinh viên. Các kỹ năng nghề nghiệp chính bao gồm: Biên dịch, Phiên dịch, Các kỹ năng thực hành tiếng như: nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Trung Quốc, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng quản lý (thời gian, tài chính, con người, trang thiết bị...), Kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành công việc được giao. Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập. Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. Nội dung

1. Nội dung tổng quát

Thực tập tốt nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và tìm hiểu tình hình thực tế sử dụng tiếng Trung Quốc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc thực tiễn, có thể góp phần giải quyết các vấn đề cụ thể tại cơ sở thực tập. Trong quá trình thực tập, sinh viên cần vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, các kỹ năng sử dụng tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) để giao tiếp, kỹ năng biên dịch, phiên dịch trong các tình huống và môi trường đòi hỏi sử dụng tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, sinh viên cần học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai, có cơ hội làm quen với thị trường việc làm và xã hội, trở nên tự tin hơn với nghề nghiệp sau khi ra trường.

Các công việc thực tập bao gồm:

- Thông dịch viên, biên dịch viên
- Biên tập viên tin tức tiếng nước ngoài
- Nhân viên lễ tân tại các khách sạn có sử dụng tiếng Trung Quốc trong công việc thực tập
- Hướng dẫn viên du lịch có sử dụng tiếng Trung Quốc công việc thực tập
- Nhân viên văn phòng, kinh doanh, marketing, giao dịch, thanh toán, ngoại thương, xuất nhập khẩu có sử dụng tiếng Trung Quốc trong công việc.
- Trợ lý hoặc thư ký của lãnh đạo các phòng, bộ phận: kinh doanh, marketing, giao dịch, thanh toán, ngoại thương, xuất nhập khẩu có sử dụng tiếng Trung Quốc trong công việc.

2. Phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Liên hệ địa điểm thực tập, hoàn chỉnh các giấy tờ cần thiết (Cá nhân hoặc trường liên hệ)	15		15	
2	Làm việc thực tế tại đơn vị thực tập (phải thực hiện các công việc mà đơn vị thực tập giao, ngoài ra phải viết Nhật ký thực tập và phải thu thập thông tin số liệu chuẩn bị cho việc viết báo cáo kết quả thực tập)	335		335	
3	Viết báo cáo thực tập, bảo vệ luận văn	100		100	
	Cộng	450		450	

IV. Điều kiện thực hiện

Các đơn vị có thể bố trí thực tập

- Hệ thống các khách sạn, nhà hàng: Sài Gòn Kim Liên, Crowne Hà Nội, Media, Thượng Hải Vinh, Lam Giang,...
- Các công ty liên doanh Trung Quốc: Emtech, Havina Kim Liên, BSE,... Công ty du lịch...
- Sở Ngoại vụ Hà Nội, Hội hữu nghị Việt Hàn, Sân bay Nội Bài, Truyền hình Hà Nội,...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Kỹ năng: Các kỹ năng nghề nghiệp chính bao gồm: Biên dịch, Phiên dịch, Các kỹ năng thực hành tiếng như: nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Trung Quốc, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng quản lý (thời gian, tài chính, con người, trang thiết bị...), Kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hứng thú, tích cực học hỏi nâng cao trình độ sử dụng tiếng Trung Quốc.

2. Phương pháp: Chấm Báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp; kết quả đánh giá của đơn vị thực tập và ý kiến của giáo viên hướng dẫn

VI. Hướng dẫn thực hiện:

1. Phạm vi áp dụng:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Cán bộ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan địa phương nơi sinh viên thực tập nắm bắt kịp thời thực trạng thực tập của sinh viên để có biện pháp xử lý kịp thời và báo với lãnh đạo khoa.

- Đối với người học: Để hoàn thành đợt thực tập cuối khóa yêu cầu sinh viên phải có ý thức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế thực tập, phải tuân thủ sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách, thực hiện tốt quy định của cơ sở thực tập, quan hệ tốt với cộng sự của mình.

- Đối với đơn vị thực tập: Giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên hoàn thành đợt thực tập. Đánh giá một cách khách quan về tình hình thực tập của sinh viên tại cơ quan.

2. Những trọng tâm cần chú ý: tất cả nội dung

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Trung Quốc biên dịch

Mã môn học: MH 16

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học phần thực hành dịch viết 1 bao gồm các kiến thức nhập môn về dịch viết như đặc điểm ngôn ngữ của dịch viết, nguyên tắc trong dịch viết, các bước tiến hành, tiêu chuẩn của văn bản dịch; kiến thức nền về một số lĩnh vực được lựa chọn trong bài tập dịch như thăm hỏi ngoại giao, kinh tế, thương mại, du lịch, văn hóa...; và một số kỹ thuật dịch viết cơ bản ở giai đoạn đầu như dịch thêm từ, dịch bớt từ, dịch đảo trật tự từ...

- Tính chất: Người học có thể vận dụng các lý thuyết liên quan đến dịch viết để hoàn thành các bài tập dịch. Các bài tập dịch được lấy nguyên bản từ các nguồn báo viết bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Việt. Người học sẽ được thực hành dịch cả hai chiều Trung – Việt và Việt – Trung.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong dịch viết, nắm bắt được đặc điểm ngôn ngữ trong dịch viết, xác định rõ yêu cầu đối với văn bản dịch. Xác định rõ nguyên tắc trong dịch viết, xác định rõ các bước tiến hành. Khái quát hóa các nội dung liên quan đến kiến thức nền trong các lĩnh vực thăm hỏi ngoại giao, kinh tế, thương mại, du lịch, văn hóa... Nhận biết các kỹ thuật dịch cơ bản trong dịch viết.

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đọc văn bản, đối chiếu ngôn ngữ, kiến thức cơ bản về biên dịch và kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và tiếng Việt để dịch được các văn bản ngắn có độ dài khoảng 300- 400 chữ từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung, các câu trong văn bản là các mẫu câu cơ bản, không quá phức tạp và không quá dài;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, tự giác đọc, viết, hiểu ngữ pháp, cấu trúc câu, các bài tiểu luận ngắn trong tiếng Trung Quốc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra

				thảo luận, bài tập	
1	Bài 1: Kỹ thuật dịch cơ bản 基础翻译技巧	4	2	2	
2	Bài 2: Lập bảng từ và lựa chọn nghĩa của từ 立词汇表	8	4	4	
3	Bài 3: Dịch tên riêng 专名翻译	8	4	4	
4	Bài 4: Dịch con số và các cấu trúc liên quan 数目翻译	8	4	3	1
5	Bài 5: Dịch từ viết tắt 翻译缩写词语	8	4	4	
6	Bài 6: Xử lý âm Hán Việt và từ Hán Việt trong dịch Trung – Việt 中越翻译中汉越音和汉越词的处理	8	4	4	
7	Bài 7: Dịch thành phần câu 分句翻译	8	4	4	
8	Bài 8: Dịch câu ghép 复句翻译	8	4	3	1
	Cộng	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ thuật dịch cơ bản 基础翻译技巧

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1.1 Kỹ thuật đọc văn bản

1.2 Trực dịch và dịch ý

1.3 Kỹ thuật thêm, bớt từ

1.4 Kỹ thuật đảo vị trí

1.5 Kỹ thuật tách ý

1.6 Kỹ thuật gộp ý

Bài 2: Lập bảng từ và lựa chọn nghĩa của từ 立词汇表

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

2.1 Các công cụ hỗ trợ

2.2 Cách lập bảng từ từ một đoạn văn bản, một văn bản và theo chủ đề

2.3 Lựa chọn nghĩa của từ dựa vào từ điển và ngữ cảnh

Bài 3: Dịch tên riêng 专名翻译

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

3.1 Dịch tên người, địa danh

3.2 Dịch tên cơ quan, tổ chức

3.3 Dịch tên chức vụ

Bài 4: Dịch con số và các cấu trúc liên quan 数目翻译

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

4.1 Đối chiếu cách diễn đạt con số Trung – Việt

4.2 Các cấu trúc liên quan

Bài 5: Dịch từ viết tắt 翻译缩写词语

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

5.1 Dịch từ viết tắt dựa vào từ tố

5.2 Dịch từ viết tắt dựa vào ngữ cảnh

Bài 6: Xử lý âm Hán Việt và từ Hán Việt trong dịch Trung – Việt 中越翻译中汉越音和汉越词的处理

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

6.1 Âm Hán Việt và cách xử lý trong dịch Trung – Việt

6.2 Từ Hán Việt và cách xử lý trong dịch Trung – Việt

Bài 7: Dịch thành phần câu 分句翻译

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

7.1 Dịch định ngữ

7.2 Dịch trạng ngữ

Bài 8: Dịch câu ghép 复句翻译

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

8.1 Xử lý từ nối trong câu ghép

8.2 Xử lý các vế câu trong câu ghép

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong dịch viết, nắm bắt được đặc điểm ngôn ngữ trong dịch viết;
 - Kỹ năng: Lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với nội dung của văn bản gốc và đối tượng tiếp nhận thông tin bản dịch;
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tác phong công nghiệp, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công
2. Phương pháp: Làm bài tập kiểm tra trên giấy 15 phút (cho bài đọc ngắn, đọc và trả lời câu hỏi)
- Số lần kiểm tra: 2-3 lần.
 - Kiểm tra hết học phần bằng bài thi gồm nhiều bài đọc hiểu, yêu cầu đọc và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành câu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
- Đối với sinh viên: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- 丛国胜 (2006). 越汉翻译教程. 北京: 军事谊文出版社.
- 何刚强(2014). 笔译理论与技巧. 外语教学与研究出版社.
- 梁远(2005). 实用汉越互译技巧. 民族出版社.

- 刘宓庆 (2004. 文体与翻译. 中国对外翻译出版公司.
 - 谭万文(2013). 实用汉英语篇笔译教程. 北京大学出版社.
 - 赵玉兰(2002). 越汉翻译教程. 北京大学出版社.
 - Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình dịch Việt Hán – Hán Việt. NXB Thời đại. 2006
 - Trần Thị Thanh Liêm - Hoàng Trà. Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Hoa Việt – Việt Hoa. NXB Văn hóa Thông tin. 2007
 - Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009
 - Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phiên dịch tiếng Trung Quốc

Mã môn học: MH17

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đây là học phần ở giai đoạn đầu tiên khởi kiến thức chuyên ngành định hướng Biên phiên dịch. Trong học phần này, người học được hướng dẫn một số kỹ năng cơ bản trong Dịch nói, như nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép và dịch con số để thực hành dịch nối tiếp các nội dung xoay quanh 4 chủ đề: ngoại giao, giáo dục, du lịch và xuất nhập

- Tính chất: Người học cũng sẽ được cung cấp hoặc tự tìm hiểu từ ngữ và cấu trúc thường dùng ở cả hai ngôn ngữ Trung Quốc và Việt Nam để giảm bớt trở ngại ngôn ngữ

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Ghi nhớ và liệt kê được hệ thống thuật ngữ và cấu trúc biểu đạt thường xuyên sử dụng trong 4 lĩnh vực: ngoại giao, giáo dục, du lịch và xuất nhập khẩu

- Về kỹ năng: Hiểu chính xác nội dung được nghe, Ghi nhớ được chủ đề tư tưởng và quan hệ logic trong đoạn thông tin ngắn;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao khả năng làm việc nhóm để tập viết các hội thoại theo chủ đề đã học trên lớp và luyện tập dịch mẫu câu hoặc hội thoại.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ năng nghe hiểu trong dịch nói 译中的听力技能	15	10	5	
2	Bài 2: Kỹ năng ghi nhớ trong dịch nói 译中的记忆技能	15	5	9	1
3	Bài 3: Kỹ năng ghi chép trong dịch nói 译中的笔记技能	15	5	9	1

4	Bài 4: Kỹ năng dịch con số trong dịch nói	15	10	5	
	Cộng	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Kỹ năng nghe hiểu trong dịch nói □ 译中的听力技能

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Kỹ năng nghe hiểu trong dịch nói
2. Đọc hiểu
3. Mở rộng từ ngữ
4. Thực hành dịch hội thoại
5. Thực hành dịch ngữ đoạn
6. Thực hành dịch văn bản

Bài 2: Kỹ năng ghi nhớ trong dịch nói □ 译中的记忆技能

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Kỹ năng ghi nhớ trong dịch nói
2. Đọc hiểu
3. Mở rộng từ ngữ
4. Thực hành dịch hội thoại
5. Thực hành dịch ngữ đoạn
6. Thực hành dịch văn bản

Bài 3: Kỹ năng ghi chép trong dịch nói □ 译中的笔记技能

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Kỹ năng ghi chép trong dịch nói
2. Đọc hiểu
3. Mở rộng từ ngữ
4. Thực hành dịch hội thoại
5. Thực hành dịch ngữ đoạn

6. Thực hành dịch văn bản

Bài 4: Kỹ năng dịch con số trong dịch nói

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu từ đó giúp sinh viên có thể nắm vững kiến thức và vận dụng kỹ năng trong công việc thực tế

1. Kỹ năng dịch con số trong dịch nói
2. Đọc hiểu
3. Mở rộng từ ngữ
4. Thực hành dịch hội thoại
5. Thực hành dịch ngữ đoạn
6. Thực hành dịch văn bản

III. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết đầy đủ ánh sáng, đảm bảo nhiệt độ, đủ diện tích cho 40 sinh viên
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector
3. Học liệu, dụng cụ: Giảng viên và sinh viên được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng...
4. Các điều kiện khác:

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giới thiệu và dịch được tên các chuyên ngành thế mạnh và chuyên ngành mới nổi tại các trường Đại học trong và ngoài nước cùng cơ hội việc làm cho người học sau khi ra trường; tình hình giao lưu hợp tác giáo dục, trao đổi lưu học sinh; triển lãm giáo dục, hội thảo du học...;
 - Kỹ năng: Kể tên và dịch được một số tour du lịch của Việt Nam và Trung Quốc cũng như một số nét văn hóa độc đáo tại các địa danh du lịch nổi tiếng; nêu được một số thành tựu nổi bật của ngành du lịch Việt Nam;
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Khả năng làm việc nhóm để tập viết các hội thoại theo chủ đề đã học trên lớp và luyện tập dịch mẫu câu hoặc hội thoại
2. Phương pháp: Kiểm tra hết học phần bằng câu hỏi truyền thống kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Hệ Trung cấp Tiếng Trung Quốc

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng dạy theo phương pháp tích cực.
 - Đối với người học: Cần tích cực, tập trung trong học tập, nhiệt tình tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến xây dựng bài học
2. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài
3. Tài liệu tham khảo:
- 鲍刚(2005) 口译理论概述. 中国对外翻译出版公司
 - 东尼·博赞(2009) 快速阅读. 丁叶然译. 中信出版社
 - 刘和平(2001). 口译技巧. 中国对外翻译出版公司
 - 劉敏華(2008). 逐步口譯與筆記. 書林出版有限公司
 - 赵玉兰(2002) 越汉翻译教程. 北京大学出版社
 - Nguyễn Hữu Cầu (2007), Lý thuyết đối dịch Hán – Việt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 - Nguyễn Thế Sự (2010), Giáo trình dịch nói II, Đại Học Hà Nội.
 - Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình dịch Việt Hán – Hán Việt. NXB Thời đại. 2006
 - Trần Thị Thanh Liêm - Hoàng Trà. Luyện dịch Hoa Việt – Việt Hoa. NXB Văn hóa Thông tin. 2008
 - Trần Thị Thanh Liêm – Trần Hoài Thu. Luyện dịch Hoa Việt – Việt Hoa. NXB Văn hóa Thông tin. 2008
 - Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009
 - Trần Thị Thanh Liêm – Hoàng Trà. Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Hoa Việt – Việt Hoa. NXBVHTT. 2007
 - Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007